

Kinh tế học vĩ mô: Các nguyên tắc và lý luận Phần 1

Những điểm xem xét trong phần này

Tại sao nghiên cứu kinh tế học và đặc biệt là kinh tế học vĩ mô?

Nó có tác động trực tiếp đến chúng ta và xã hội của chúng ta: đó là mức sống

Muốn hiểu nhiều hơn về một chủ đề lớn thường được thảo luận trong xã hội và trên thế giới.

Làm được điều đó, chúng ta có thể đóng góp một cách hiệu quả hơn và có cơ hội thành công hơn cho xã hội với tư cách là những nhà làm chính sách từ cấp trung ương, đến tỉnh thành và địa phương.

A. Kinh tế vĩ mô là gì?

Phân tích hành vi của nền kinh tế trên bình diện tổng thể như sản lượng, việc làm, lạm phát, tỉ giá hối đoái.

Xác định những nguyên nhân của giao động kinh tế trong ngắn hạn và trung hạn, của tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

Khuyến nghị, thiết kế và thực hiện những chính sách phù hợp nhằm hạn chế những giao động kinh tế (chính sách ổn định kinh tế) và để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

B. Mối quan hệ giữa kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô

1. **Từ vi mô sang vĩ mô:** một quá trình hợp nhất liên tục trong nghiên cứu kinh tế học. Nền tảng vi mô của kinh tế học vĩ mô cố gắng lý giải hành vi các biến số tổng thể vĩ mô dựa trên hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp.

Ví dụ:

Tổng gộp tiêu dùng cá nhân để có hàm tổng tiêu dùng:

$$C = C(YD)$$

Tổng gộp đầu tư của từng doanh nghiệp để có hàm tổng đầu tư:

$$I = I(r)$$

Giá linh hoạt trong thị trường hàng hóa và thị trường lao động xác định tổng cung trong trung và dài hạn.

Giá cả kết dính xác định tổng cung trong ngắn hạn

Tiền lương và giá cả

. Tính kết dính của tiền lương xuất phát từ các tính chất thể chế chẳng hạn như hợp đồng

. Tính kết dính của giá cả xuất phát từ thị trường như chi phí trên thực đơn (menu cost).

2. Tại sao vĩ mô lại tương đối phức tạp hơn vi mô?

Vi mô chủ yếu quan tâm đến một thị trường: Chẳng hạn cung và cầu của điện thoại di động

Vĩ mô liên quan đến những tương tác dây chuyền giữa các thị trường: kết quả trong một thị trường này ảnh hưởng đến thị trường khác và cứ tiếp tục như vậy.

Giá dầu tăng ảnh hưởng đến thị trường hàng hóa có nghĩa là lượng sản xuất hàng hóa giảm đi, điều này làm giảm nhu cầu lao động, giảm thu nhập của người lao động, giảm cầu tiêu dùng hàng hóa, và trở lại làm giảm sản xuất v.v.

3. Vĩ mô và vi mô trong thực hành

Sự cần thiết của việc hợp nhất vi mô và vĩ mô đưa đến yêu cầu phối hợp thực hiện chính sách hiệu quả. Thiếu sự phối hợp chính là nguyên nhân gây sụt giảm sản lượng nghiêm trọng của các nước thuộc khối Comecon (Hội đồng tương trợ kinh tế)

- . Vĩ mô cung cấp khuôn khổ cho vi mô được thực hiện.
- . Các mục tiêu quốc gia và công cụ chính sách cung cấp khuôn khổ chung cho doanh nghiệp và việc thực hiện các dự án địa phương. Ví dụ, sự không nhất quán giữa đầu tư quốc gia với đầu tư cấp tỉnh theo kế hoạch (có tình đầu tư cao hơn mức đầu tư cả nước khi tính theo ICOR).
- . IMF cung cấp khuôn khổ vĩ mô cho việc tài trợ dự án từ WB hay ADB

C. Mục tiêu của môn học

1. Nâng cao kỹ năng phân tích các chính sách kinh tế vĩ mô vào những vấn đề thực tiễn.
2. Mài dũa khả năng lý luận kinh tế vĩ mô một cách thuần thực như một ngôn ngữ
3. Các bạn muốn đạt được gì từ môn học này?

. Trả lời một cách hiệu quả, chuyên nghiệp, và thuần thực những câu hỏi phỏng vấn việc làm, báo chí, đài...

D. Chiến lược chung

Chú trọng vào những nguyên lý và phương pháp luận trong lý luận vĩ mô. Mục tiêu: đi từ mức độ cơ bản lên cấp độ cao hơn trong khả năng lý luận kinh tế để thiết lập nền tảng kiến thức chung cho cả lớp, bất kể sự đa dạng về kiến thức ban đầu của học viên.

E. Công cụ nào?

1. Cung từ nguồn lực kiến thức và kinh nghiệm của nhóm giảng viên
2. Cầu từ phía học viên thông qua sự tập trung cao độ của mỗi cá nhân và mong muốn được hiểu, ghi nhớ và lý giải vấn đề.
3. Tương tác giữa nhóm giảng viên và học viên
 - a. Các bài giảng chú trọng vào những điểm chính trong bài đọc của học viên
 - b. Tự làm bài của chính mình
 - c. Ôn tập thường xuyên: trong mỗi bài giảng, buổi giảng hay các buổi hẹn cá nhân.
 - d. Học viên có thể hẹn gặp giảng viên trên cơ sở những vấn đề thắc mắc chung
4. Hỗ trợ thông qua học nhóm, trao đổi và thảo luận các vấn đề với bạn học; Tận dụng nền tảng kiến thức đa dạng của lớp để hỗ trợ lẫn nhau

Học kinh tế như thế nào?

Việc nghiên cứu kinh tế học cũng áp dụng phương thức nghiên cứu khoa học thông thường, đó là cố gắng dùng lý thuyết để giải thích những gì chúng ta quan sát.

Chúng ta sẽ thường xuyên lý thuyết hóa mà có thể không nhận ra. Mô hình là cách trình bày qua hình thể (formalization) của lý thuyết để lý giải những quan sát, kiểm định và dự báo được lý thuyết đưa ra và làm cơ sở định hướng cho chính sách.

F. Lộ trình

1. Sử dụng cách tiếp cận theo mục tiêu và công cụ

2. Ôn lại những khái niệm vĩ mô cơ bản.
3. Tái hiện nền kinh tế: thông qua các khu vực sản xuất kinh doanh, ngân sách, tiền tệ và cán cân thanh toán để nhìn rõ các mối liên kết.
4. Đi sâu nghiên cứu các chính sách vĩ mô và những mối liên kết để ổn định nền kinh tế
5. Tăng trưởng kinh tế và chính sách cơ cấu

G. Khái quát về mục tiêu và công cụ

1. Nguyên tắc của Tinbergen: để hoàn thành mục tiêu, số lượng công cụ phải bằng với số lượng mục tiêu
. Hệ 2 (n) phương trình và 2 (n) ẩn.
2. Những mục tiêu chính của quản lý kinh tế vĩ mô: sản lượng tối đa, lạm phát tối thiểu, một lượng dự trữ ngoại tệ tương ứng.
3. Các công cụ: chính sách tiền tệ (MP), chính sách ngân sách (FP), và chính sách bên ngoài (BOPP: chính sách thương mại, chính sách tỉ giá hối đoái)
4. Phân loại hiệu quả thị trường tương đối: áp dụng công cụ phù hợp theo mục tiêu: chính sách tiền tệ để chống lạm phát và chính sách ngân sách để tăng tổng cầu.

H. Điểm lại các khái niệm vĩ mô căn bản

1. Chỉ số giá

CPI= chỉ số giá tiêu dùng; q_0P_1/q_0P_0

WPI= chỉ số giá bán sỉ

PPI = chỉ số giá sản xuất (Producer Price Index)

GDP deflator= q_1P_1/q_0P_0 (hệ số khử lạm phát GDP)

2. GDP thực và danh nghĩa

GDP theo giá cố định= 1993.

GDP theo giá danh nghĩa

3. Dự trữ ngoại tệ = tài sản có, ngoại tệ (hệ thống ngân hàng)

4. Các định nghĩa tỉ giá hối đoái
Đơn vị của một đồng nội tệ tính theo ngoại tệ
Đơn vị của một đồng ngoại tệ tính theo nội tệ

5. **Ngắn hạn, trung hạn và dài hạn**

Tổng quát:

- a. Định nghĩa về ngắn hạn, trung hạn và dài hạn thay đổi theo bối cảnh phân tích.
- b. Thông thường, ngắn hạn là ít hơn một năm, trung hạn là ít hơn 3 năm và dài hạn là dài hơn 3 năm chẳng hạn như các công cụ tài chính, trái phiếu.
- c. Trong một số chương trình cho vay của IMF, trung hạn có thể lâu hơn khi thời hạn trả nợ vay được kéo dài (có thể đến 7 năm).

Với môn học của chúng ta

- d. Ngắn hạn: khoảng thời gian khi lượng vật chất K và L là cố định, nhưng mức độ sử dụng có thể khác nhau chẳng hạn thời gian làm việc dài hơn và **giá thực P khác với giá kỳ vọng P_e , dẫn đến những giao động trong sản lượng**. Ngắn hạn có thể dài hơn 1 năm.
- e. Trung hạn: khoảng thời gian khi lượng vật chất K và L cố định, **giá thực P bằng giá kỳ vọng P_e , dẫn đến mức sản lượng tự nhiên**.
- f. Dài hạn: khoảng thời gian khi lượng vật chất K tích lũy, L tăng lên do tăng dân số và tiến bộ công nghệ, dẫn đến tăng trưởng kinh tế.

I. Giá linh hoạt và giá kết dính

Giá linh hoạt cân bằng thị trường do thỏa mãn cả cung lẫn cầu. Đây là điểm tham chiếu trong kinh tế học.

Vấn đề xuất phát khi thị trường ở trạng thái không cân bằng do giá cả kết dính gây dư cầu hoặc dư cung, dẫn đến ít nhất có một nhóm không thỏa mãn. Sự không thỏa mãn này phải được giải quyết cho tới khi cân bằng được tái lập. Bởi điều gì? Bởi **khái niệm mang tính sáng tạo cho rằng kỳ vọng linh hoạt để điều chỉnh theo kết cục thực tế**.